

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-VXNV
V/v đẩy mạnh thực hiện nhiệm
vụ cung cấp và sử dụng dịch vụ
công trực tuyến toàn trình
trên địa bàn tỉnh.

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2024

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Trong thời gian qua, việc cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các sở, ban, ngành, địa phương đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh được nâng cấp, đáp ứng yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật quy định, thực hiện tốt việc kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các bộ, ngành Trung ương, phục vụ ngày càng tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp; cơ chế, chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được quan tâm thực hiện; tỷ lệ thủ tục hành chính được công khai đầy đủ đạt 100%, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và hồ sơ tiếp nhận trực tuyến từng bước được đẩy mạnh; một số Sở, ngành, địa phương đã quan tâm triển khai thực hiện tốt việc thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia¹.

Bên cạnh kết quả đạt được còn có những hạn chế, đó là: việc công bố, công khai thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia chưa kịp thời; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ đạt còn thấp, chưa đạt mục tiêu đề ra²; việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa thực chất, còn một số đơn vị có tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến còn thấp, nhất là đối với lĩnh vực đất đai³; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (viết tắt là TTHC) còn nhiều hạn chế, còn một số cơ quan, đơn vị có tỷ lệ số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC chưa cao⁴; còn nhiều đơn vị có tỷ lệ thanh toán trực tuyến còn

¹ Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND huyện Ninh Sơn và các xã thuộc huyện Ninh Sơn.

² Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 53,8% (mục tiêu 80%); tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ 53,61% (mục tiêu 60%).

³ Thấp nhất là đối với 07 chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (0,26%), Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Thuận Bắc; các xã: Phước Thành, Phước Tiến, Phước Hữu, Phước Trung, Vĩnh Hải, Phước Sơn, Phước Bình (chi tiết kèm theo tại phụ lục 1).

⁴ Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban dân tộc, UBND huyện Thuận Bắc; Thị trấn Khánh Hải, xã Phước Hữu, xã Vĩnh Hải (chi tiết kèm theo tại phụ lục 2).

rất thấp⁵ hoặc chưa tham gia thực hiện⁶ trên Hệ thống.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại hạn chế trên là do một số sở, ban, ngành, địa phương chưa thực sự quyết tâm, quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thực hiện ký số và số hóa kết quả giải quyết TTHC; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của dịch vụ công trực tuyến; việc số hóa hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu, nhất là các cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn nhiều khó khăn, vướng mắc do thiếu nguồn lực để triển khai thực hiện.

Để kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế nêu trên, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn (*do UBND các huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo*):

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp chủ động tham gia thực hiện và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; quán triệt cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý phải gương mẫu, đi đầu trong việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 (tài khoản VNeID mức 2) để thực hiện dịch vụ công trực tuyến khi có nhu cầu giao dịch nhằm giảm chi phí, thời gian đi lại.

b) Tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ theo tinh thần Công văn số 1496/V PUB-PVHCC ngày 12/4/2024 của Văn phòng UBND tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định, đảm bảo tối thiểu 70% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia và tối thiểu 70% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, ***báo cáo kết quả thực hiện trong tháng 10/2024*** (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp).

c) Thực hiện nghiêm việc ký số và số hóa kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; đảm bảo số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo danh mục tại Quyết định 789/QĐ-UBND ngày 7/9/2024 trên hệ thống nhằm làm giàu kho dữ liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp không phải cung

⁵ Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Lao động thương binh và Xã hội, Xây dựng, Công thương (*chi tiết tại phụ lục 3*)

⁶ Các Sở: Giao thông và Vận tải, Tài chính, Ban dân tộc; Các huyện: Thuận Bắc, Thuận Nam, Ninh Phước, Ninh Hải; Cấp xã: Các xã thuộc các địa bàn: huyện Thuận Bắc, huyện Ninh Hải, huyện Thuận Nam, huyện Ninh Phước.

cấp lại thông tin đã có; đảm bảo mục tiêu tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Tiếp tục phối hợp rà soát, cắt giảm các bước trong quy trình nội bộ giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp tại cơ quan, đơn vị theo hướng cắt giảm bớt các bước trung gian không cần thiết, không hợp lý; tăng cường sử dụng việc kế thừa, tái sử dụng và chia sẻ dữ liệu trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.

Thường xuyên rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC của đơn vị đảm bảo phù hợp, có thể xây dựng quy trình xử lý trên môi trường điện tử (*Quy trình nội bộ giải quyết TTHC phù hợp trên môi trường điện tử là quy trình phải được xây dựng chi tiết cụ thể cho từng trường hợp xử lý phát sinh trong thực tế; các bước trong quy trình phải chi tiết đến từng cá nhân tham gia xử lý tương ứng với thời hạn xử lý cụ thể không ghi chung chung như: chuyển phòng; chuyển xã; chuyển huyện...*) và tham mưu UBND tỉnh ban hành lại quy trình nếu có sự điều chỉnh, **hoàn thành trong tháng 9/2024.**

đ) Rà soát, lập danh mục TTHC có thu phí/lệ phí và danh mục TTHC không có kết quả giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để cấu hình trên Hệ thống, **trước ngày 27/9/2024.**

e) Quán triệt cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết TTHC trên Hệ thống phải thực hiện đúng, đủ theo quy trình nội bộ đã ban hành; đảm bảo đúng quy định về vận hành và khai thác Hệ thống; chủ động liên hệ kịp thời Sở Thông tin và Truyền thông để được hỗ trợ khi có khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành khai thác, xử lý.

f) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và phản hồi về Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ điều chỉnh khi thông tin không chính xác;

g) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các cán bộ, viên chức tham cập nhật đầy đủ hồ sơ lên hệ thống.

h) Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng tài khoản VNeID mức 2 của cá nhân đăng nhập Cổng dịch vụ công tỉnh để nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Hệ thống; các đơn vị chưa tham gia thanh toán trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, chủ động liên hệ Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông để được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện, đảm bảo tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 18/3/2024.

i) Chủ động phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông mở các lớp tập huấn, hướng dẫn, khai thác, quản lý, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh cho cơ quan, đơn vị mình (nếu có nhu cầu).

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông.

a) Tiếp tục tham mưu triển khai, hướng dẫn nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, triển khai các giải pháp, mô hình thúc đẩy tăng tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát, lập danh mục TTHC có thu phí/lệ phí và danh mục TTHC không có kết quả giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, **trước ngày 10/10/2024**.

c) Tiếp tục rà soát nâng cấp hệ thống, đầu tư trang thiết bị đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt, hiệu quả; kịp thời xử lý các sự cố phát sinh để đáp ứng nhu cầu sử dụng của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện TTHC.

d) Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị kịp thời xây dựng quy trình điện tử trên hệ thống đảm bảo đúng quy định;

đ) Bố trí cán bộ công nghệ thông tin thường xuyên theo dõi, hỗ trợ, khắc phục sự cố kịp thời cho các đơn vị trong quá trình khai thác, sử dụng hệ thống tỉnh; thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình trạng đồng bộ hồ sơ của Hệ thống tỉnh với các Bộ, ngành, Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo kịp thời, chính xác; hỗ trợ các đơn vị cấu hình thanh toán trực tuyến lên Hệ thống và Cổng dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, phối hợp, hướng dẫn, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức kiến thức, kỹ năng chuyên môn để bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp Dịch vụ công trực tuyến khi các đơn vị có nhu cầu.

e) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành Hệ thống; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tháo gỡ, thực hiện.

3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:

a) Chủ động rà soát, kiến nghị, đề xuất các bộ, ngành hướng dẫn tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử tại địa phương thông qua các báo cáo gửi Văn phòng Chính phủ định kỳ.

b) Kịp thời cập nhật, công khai đầy đủ các TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố trên Cổng dịch vụ công quốc gia nhằm đảm bảo thông tin đồng bộ từ Cổng dịch vụ công quốc gia về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được đầy đủ, kịp thời và chính xác theo đúng quy định.

c) Tham gia kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh, khắc phục, xử lý nghiêm theo quy định.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, tỷ lệ số hóa, thanh toán trực tuyến của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; lấy kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến là một trong các tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng; tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu của cơ quan, đơn vị.

Trong quá trình vận hành, sử dụng, khai thác Hệ thống, nếu có khó khăn, vướng mắc, chủ động liên hệ với Sở Thông tin và Truyền thông và Trung tâm Phục vụ hành chính công để được kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, BTCĐ, TTPVHHC;
- Lưu: VT, VXNV. NNN

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Nam

Phụ lục 1
Tình hình khai thác tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh
(Từ ngày 01/01/2024 – 28/8/2024)

STT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý				Tỷ lệ HS qua mạng
		Tổng số (trong kỳ)	Trực tiếp	Qua mạng	Qua BCCI	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	
I	Cấp tỉnh	98.076	38.121	59.722	233	49.652	45.195	166	99,83%	60,89%
1	Sở Nội vụ	81	0	81	0	62	16	0	100%	100%
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	401	24	372	5	302	36	2	99,41%	92,77%
3	Sở Thông tin và Truyền thông	19	0	19	0	16	3	0	100%	100%
4	Ban Dân tộc	4	0	4	0	1	3	0	100%	100%
5	Sở Công thương	23.278	63	23.198	17	17.930	5.510	1	100%	99,66%
6	Sở Giao thông vận tải	1.071	715	356	0	869	192	0	100%	33,24%
7	Sở Khoa học và Công nghệ	35	0	35	0	35	0	0	100%	100%
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	220	15	194	11	206	7	0	100%	88,18%
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29.118	125	28.966	27	1.973	27.353	0	100%	99,48%
10	Sở Tài chính	12	0	11	1	12	0	0	100%	91,67%
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	456	0	451	5	311	91	18	95,71%	98,90%
11.1	Chi nhánh VPĐKKĐ TP Phan Rang - Tháp Chàm	11.071	10.910	161	0	4.847	5.506	5	99,95%	1,45%
11.2	Chi nhánh VPĐKKĐ Huyện Ninh Phước	8.475	8305	170	0	6.137	1.597	3	99,96%	2,01%
11.3	Chi nhánh VPĐKKĐ Huyện Ninh Sơn	5.122	4.751	371	0	4.185	650	7	99,86%	7,24%
11.4	Chi nhánh VPĐKKĐ Huyện Ninh Hải	6.513	6.489	24	0	4.172	1.853	50	99,18%	0,37%

11.5	Chi nhánh VPĐKĐĐ Huyện Thuận Nam	3.323	3.323	0	0	2.431	797	2	99,94%	0%
11.6	Chi nhánh VPĐKĐĐ Huyện Thuận Bắc	1.209	1.177	32	0	892	184	22	98%	2,65%
11.7	Chi nhánh VPĐKĐĐ Huyện Bắc Ái	1.520	1.500	20	0	1.144	106	12	99,05%	1,32%
12	Sở Tư pháp	3.256	580	2.540	136	2.456	632	32	98,97%	78,01%
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	207	0	186	21	197	10	0	100%	89,86%
14	Sở Xây dựng	489	6	482	1	430	17	0	100%	98,57%
15	Sở Y tế	299	8	287	4	276	3	0	100%	95,99%
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.845	111	1.729	5	725	623	12	99,12%	93,71%
17	Thanh tra tỉnh	15	15	0	0	15	0	0	100%	0%
18	Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận	37	4	33	0	28	6	0	100%	89,19%
II	Cấp huyện	9.155	550	8.592	13	6.883	1934	77	99,13%	93,85%
1	UBND Huyện Thuận Bắc	231	19	212	0	212	2	14	93,86%	91,77%
2	UBND Huyện Thuận Nam	876	95	781	0	765	46	22	97,36%	89,16%
3	UBND Huyện Bắc Ái	760	45	707	8	639	91	13	98,25%	93,03%
4	UBND Huyện Ninh Hải	1.541	112	1.424	5	1.150	351	5	99,67%	92,41%
5	UBND Huyện Ninh Phước	1.547	154	1.393	0	1.288	186	22	98,53%	90,05%
6	UBND Huyện Ninh Sơn	1.881	1	1.880	0	1.516	319	1	99,95%	99,95%
7	UBND Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	2.319	124	2.195	0	1.313	939	0	100%	94,65%
III	Cấp xã	71.922	2.413	69.478	31	57.557	14.740	54	99,92%	96,6%
1	Ủy ban nhân dân xã Lợi Hải	348	0	348	0	269	79	0	100%	100%
2	Ủy ban nhân dân xã Bắc Phong	87	0	87	0	60	29	2	97,8%	100%
3	Ủy ban nhân dân xã Phước Kháng	21	1	20	0	2	14	3	84,21%	95,24%
4	Ủy ban nhân dân xã Phước Chiến	70	1	69	0	37	30	0	100%	98,57%
5	Ủy ban nhân dân xã Công Hải	1.945	47	1.898	0	1.530	449	0	100%	97,58%
6	Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn	137	0	137	0	47	84	6	95,62%	100%
7	Ủy ban nhân dân xã Cà Ná	168	0	166	2	144	8	0	100%	98,81%
8	Ủy ban nhân dân xã Nhị Hà	129	0	129	0	115	16	0	100%	100%

9	Ủy ban nhân dân xã Phước Diêm	727	0	727	0	625	97	2	99,72%	100%
10	Ủy ban nhân dân xã Phước Dinh	159	0	159	0	126	28	1	99,35%	100%
11	Ủy ban nhân dân xã Phước Hà	77	0	77	0	63	12	0	100%	100%
12	Ủy ban nhân dân xã Phước Minh	192	0	192	0	170	22	0	100%	100%
13	Ủy ban nhân dân xã Phước Nam	543	0	543	0	422	126	1	99,82%	100%
14	Ủy ban nhân dân xã Phước Ninh	264	0	264	0	204	58	1	99,62%	100%
15	Ủy ban nhân dân xã Phước Đại	355	85	270	0	283	74	0	100%	76,06%
16	Ủy ban nhân dân xã Phước Thắng	93	0	93	0	84	9	0	100%	100%
17	Ủy ban nhân dân xã Phước Chính	56	0	56	0	53	6	1	98,33%	100%
18	Ủy ban nhân dân xã Phước Thành	180	93	87	0	136	46	0	100%	48,33%
19	Ủy ban nhân dân xã Phước Tiến	295	60	235	0	221	77	0	100%	79,66%
20	Ủy ban nhân dân xã Phước Tân	88	0	88	0	49	38	2	97,75%	100%
21	Ủy ban nhân dân xã Phước Trung	561	69	491	1	445	128	0	100%	87,52%
22	Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa	321	6	315	0	190	144	0	100%	98,13%
23	Ủy ban nhân dân xã Phước Bình	345	139	206	0	325	44	3	99,19%	59,71%
24	Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải	1.064	0	1.064	0	979	67	17	98,4%	100%
25	Ủy ban nhân dân xã Tri Hải	264	0	262	2	242	16	9	96,63%	99,24%
26	Ủy ban nhân dân xã Phương Hải	2.160	0	2.160	0	2.065	103	0	100%	100%
27	Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hải	859	0	858	1	803	69	1	99,89%	99,88%
28	Ủy ban nhân dân xã Thanh Hải	915	0	915	0	806	113	0	100%	100%
29	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải	206	86	120	0	155	53	0	100%	58,25%
30	Ủy ban nhân dân xã Tân Hải	277	0	277	0	260	17	0	100%	100%
31	Ủy ban nhân dân xã Hộ Hải	164	0	164	0	136	29	0	100%	100%
32	Ủy ban nhân dân xã Xuân Hải	378	0	378	0	344	34	0	100%	100%
33	Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Dân	1.417	30	1.387	0	1.166	251	1	99,93%	97,88%
34	Ủy ban nhân dân xã An Hải	257	10	246	1	194	64	3	98,85%	95,72%
35	Ủy ban nhân dân xã Phước Hải	278	139	139	0	240	38	0	100%	50%
36	Ủy ban nhân dân xã Phước Thái	362	0	359	3	280	87	0	100%	99,17%
37	Ủy ban nhân dân xã Phước Hữu	1.261	879	381	1	746	523	0	100%	30,21%
38	Ủy ban nhân dân xã Phước Hậu	1.091	2	1.089	0	579	514	1	99,91%	99,82%
39	Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận	2.162	22	2.140	0	1.626	565	0	100%	98,98%

40	Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh	1.777	85	1.692	0	1.277	513	0	100%	95,22%
41	Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn	2.084	482	1.602	0	1.872	233	0	100%	76,87%
42	Ủy ban nhân dân xã Ma Nới	305	17	288	0	200	105	0	100%	94,43%
43	Ủy ban nhân dân xã Lương Sơn	449	10	439	0	443	9	0	100%	97,77%
44	Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn	617	25	591	1	509	109	0	100%	95,79%
45	Ủy ban nhân dân xã Nhơn Sơn	1079	81	998	0	860	220	0	100%	92,49%
46	Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Sơn	195	4	191	0	154	42	0	100%	97,95%
47	Ủy ban nhân dân xã Lâm Sơn	1.163	19	1.144	0	875	289	0	100%	98,37%
48	Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn	342	1	339	2	242	103	0	100%	99,12%
49	Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn	418	5	412	1	404	24	0	100%	98,56%
50	Ủy ban nhân dân phường Bảo An	2.191	2	2.189	0	1.721	490	0	100%	99,91%
51	Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh	3.673	0	3.672	1	3.020	679	0	100%	99,97%
52	Ủy ban nhân dân phường Kinh Dinh	2.320	0	2.320	0	1.687	653	0	100%	100%
53	Ủy ban nhân dân phường Phước Mỹ	4.604	1	4.601	2	3.376	1.247	0	100%	99,93%
54	Ủy ban nhân dân phường Tấn Tài	3.156	0	3.156	0	2.548	608	0	100%	100%
55	Ủy ban nhân dân phường Phú Hà	2.415	0	2.414	1	2.075	356	0	100%	99,96%
56	Ủy ban nhân dân phường Thanh Sơn	4.458	0	4.456	2	3.643	823	0	100%	99,96%
57	Ủy ban nhân dân phường Đài Sơn	1.994	0	1.992	2	1.561	440	0	100%	99,90%
58	Ủy ban nhân dân phường Đạo Long	777	0	776	1	532	245	0	100%	99,87%
59	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hương	1.119	0	1.117	2	797	325	0	100%	99,82%
60	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông	1.472	1	1.471	0	1.147	328	0	100%	99,93%
61	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình	1.986	3	1.982	1	1.603	387	0	100%	99,80%
62	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hải	1.484	0	1.483	1	1.184	304	0	100%	99,93%
63	Ủy ban nhân dân phường Văn Hải	4.144	0	4.142	2	3.017	1.129	0	100%	99,95%
64	Ủy ban nhân dân phường Đông Hải	5.313	8	5.304	1	4.902	469	0	100%	99,83%
65	Ủy ban nhân dân xã Thành Hải	2.111	0	2.111	0	1.687	449	0	100%	100%
TỔNG SỐ (I+II+III)		179.153	41084	137.792	277	114.092	61869	114.092	99,83%	76,91%

Phục lục 2
Tình hình số hóa hồ sơ trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh
(Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 28/8/2024)

STT	Đơn vị	Đã giải quyết	Số hóa kết quả giải quyết		
			Chưa số hóa	Đã số hóa	Tỷ lệ số hóa kết quả
I	Cấp tỉnh	94.927	3.572	91.355	96,24%
1	Sở Nội vụ	78	8	70	89,74%
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	340	6	334	98,24%
3	Sở Thông tin và Truyền thông	19	2	17	89,47%
4	Ban Dân tộc	4	3	1	25%
5	Sở Công thương	23.370	50	23.320	99,79%
6	Sở Giao thông vận tải	1.061	46	1.015	95,66%
7	Sở Khoa học và Công nghệ	35	0	35	100%
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	213	2	211	99,06%
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29.103	19	29.084	99,93%
10	Sở Tài chính	12	0	12	100%
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	420	15	405	96,43%
11.1	<i>Chi nhánh VPĐKKĐ TP Phan Rang - Tháp Chàm</i>	<i>10.629</i>	<i>385</i>	<i>10.244</i>	<i>96,38%</i>
11.2	<i>Chi nhánh VPĐKKĐ Huyện Ninh Phước</i>	<i>7.707</i>	<i>320</i>	<i>7.387</i>	<i>95,85%</i>
11.3	<i>Chi nhánh VPĐKKĐ Huyện Ninh Sơn</i>	<i>4.824</i>	<i>700</i>	<i>4.124</i>	<i>85,49%</i>
11.4	<i>Chi nhánh VPĐKKĐ Huyện Ninh Hải</i>	<i>6.079</i>	<i>323</i>	<i>5.756</i>	<i>94,69%</i>
11.5	<i>Chi nhánh VPĐKKĐ Huyện Thuận Nam</i>	<i>3.216</i>	<i>131</i>	<i>3.085</i>	<i>95,93%</i>
11.6	<i>Chi nhánh VPĐKKĐ Huyện Thuận Bắc</i>	<i>1101</i>	<i>160</i>	<i>941</i>	<i>85,47%</i>
11.7	<i>Chi nhánh VPĐKKĐ Huyện Bác Ái</i>	<i>1.257</i>	<i>33</i>	<i>1.224</i>	<i>97,37%</i>
12	Sở Tư pháp	3.120	19	3.101	99,39%
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	207	0	207	100%

14	Sở Xây dựng	447	2	445	99,55%
15	Sở Y tế	279	0	279	100%
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.357	1.328	29	2,14%
17	Thanh tra tỉnh	15	15	0	0
18	Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận	34	5	29	85,29%
II	Cấp huyện	8.894	578	8.316	93,50%
1	UBND Huyện Thuận Bắc	228	0	228	100%
2	UBND Huyện Thuận Nam	833	50	783	94%
3	UBND Huyện Bác Ái	743	65	678	91,25%
4	UBND Huyện Ninh Hải	1.506	264	1.242	82,47%
5	UBND Huyện Ninh Phước	1.496	160	1.336	89,3%
6	UBND Huyện Ninh Sơn	1.836	24	1.812	98,69%
7	UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	2.252	15	2.237	99,33%
III	Cấp xã	72.150	638	71.512	99,12%
27	Ủy ban nhân dân xã Lợi Hải	348	4	344	98,85%
28	Ủy ban nhân dân xã Bắc Phong	89	1	88	98,88%
29	Ủy ban nhân dân xã Phước Kháng	19	0	19	100%
30	Ủy ban nhân dân xã Phước Chiến	67	0	67	100%
31	Ủy ban nhân dân xã Công Hải	1.970	0	1.970	100%
32	Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn	137	1	136	99,27%
34	Ủy ban nhân dân xã Cà Ná	152	31	121	79,61%
35	Ủy ban nhân dân xã Nhị Hà	131	0	131	100%
36	Ủy ban nhân dân xã Phước Diêm	724	0	724	100%
37	Ủy ban nhân dân xã Phước Dinh	155	0	155	100%
38	Ủy ban nhân dân xã Phước Hà	75	0	75	100%
39	Ủy ban nhân dân xã Phước Minh	192	0	192	100%
40	Ủy ban nhân dân xã Phước Nam	544	3	541	99,45%
41	Ủy ban nhân dân xã Phước Ninh	263	2	261	99,24%

43	Ủy ban nhân dân xã Phước Đại	354	2	352	99,44%
44	Ủy ban nhân dân xã Phước Thắng	93	1	92	98,92%
45	Ủy ban nhân dân xã Phước Chính	60	0	60	100%
46	Ủy ban nhân dân xã Phước Thành	180	0	180	100%
47	Ủy ban nhân dân xã Phước Tiến	296	0	296	100%
48	Ủy ban nhân dân xã Phước Tân	89	1	88	98,88%
49	Ủy ban nhân dân xã Phước Trung	561	0	561	100%
50	Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa	331	0	331	100%
51	Ủy ban nhân dân xã Phước Bình	352	3	349	99,15%
53	Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải	1.063	388	675	63.50%
54	Ủy ban nhân dân xã Tri Hải	264	1	263	99,62%
55	Ủy ban nhân dân xã Phương Hải	2.165	4	2.161	99,82%
56	Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hải	862	3	859	99,65%
57	Ủy ban nhân dân xã Thanh Hải	917	0	917	100%
58	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải	207	1	206	99,52%
59	Ủy ban nhân dân xã Tân Hải	277	0	277	100%
60	Ủy ban nhân dân xã Hộ Hải	165	0	165	100%
61	Ủy ban nhân dân xã Xuân Hải	377	0	377	100%
63	Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Dân	1.417	2	1.415	99,86%
64	Ủy ban nhân dân xã An Hải	255	4	251	98,43%
65	Ủy ban nhân dân xã Phước Hải	278	0	278	100%
66	Ủy ban nhân dân xã Phước Thái	370	0	370	100%
67	Ủy ban nhân dân xã Phước Hữu	1.266	1	1.265	99,92%
68	Ủy ban nhân dân xã Phước Hậu	1.092	1	1.091	99,91%
69	Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận	2.182	9	2.173	99,59%
70	Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh	1.783	19	1.764	98,93%
71	Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn	2.102	10	2.092	99,52%
73	Ủy ban nhân dân xã Ma Nởi	305	0	305	100%
74	Ủy ban nhân dân xã Lương Sơn	449	1	448	99,78%
75	Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn	618	0	618	100%

76	Ủy ban nhân dân xã Nhơn Sơn	1.079	11	1.068	98,98%
77	Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Sơn	196	0	196	100%
78	Ủy ban nhân dân xã Lâm Sơn	1.164	0	1.164	100%
79	Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn	344	1	343	99,71%
80	Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn	427	0	427	100%
82	Ủy ban nhân dân phường Bảo An	2.209	0	2.209	100%
83	Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh	3.699	20	3.679	99,46%
84	Ủy ban nhân dân phường Kinh Dinh	2.333	0	2.333	100%
85	Ủy ban nhân dân phường Phước Mỹ	4.618	1	4.617	99,98%
86	Ủy ban nhân dân phường Tấn Tài	3.156	1	3.155	99,97%
87	Ủy ban nhân dân phường Phú Hà	2.429	8	2.421	99,67%
88	Ủy ban nhân dân phường Thanh Sơn	4.464	1	4.463	99,98%
89	Ủy ban nhân dân phường Đài Sơn	1.994	0	1.994	100%
90	Ủy ban nhân dân phường Đạo Long	777	0	777	100%
91	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hương	1.121	0	1.121	100%
92	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông	1.472	17	1.455	98,85%
93	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình	1.987	2	1.985	99,9%
94	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hải	1.486	0	1.486	100%
95	Ủy ban nhân dân phường Văn Hải	4.144	3	4.141	99,93%
96	Ủy ban nhân dân phường Đông Hải	5.336	80	5.256	98,50%
97	Ủy ban nhân dân xã Thành Hải	2.119	0	2.119	100%
	Tổng số (I+II+III)	175.971	4.788	171.183	97,28%

Phụ lục 3
Thông tin chi tiết thanh toán trực tuyến của các đơn vị
(Từ ngày 01/01/2024 đến 28/8/2024)

STT	Tên đơn vị	Tổng HS có nghĩa vụ tài chính	Thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia		Tỷ lệ TT trực tiếp (%)
			Số HS đã TTTT cổng DVC QG	Tỷ lệ TTTT cổng DVC QG (%)	
I	Cấp tỉnh				
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	0	0	100%
2	Sở Tư pháp	1.566	1.141	72,86%	27,14%
3	Sở Y tế	138	129	93,48%	6,52%
4	Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận	0	0	0	0
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	462	156	33,77%	66,23%
6	Thanh tra tỉnh	0	0	0	0
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	81	81	100%	0
8	Ban Dân tộc	0	0	0	0
9	Sở Khoa học và Công nghệ	7	4	57,14%	42,86%
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	10	9	90%	10%
11	Sở Nội vụ	0	0	0	0
12	Sở Thông tin và Truyền thông	0	0	0	0
13	Sở Công thương	20	2	10%	90%
14	Sở Xây dựng	111	107	96,4%	3,60%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0	0	0	0
16	Sở Tài chính	0	0	0	0
17	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	19	1	5,26%	94,74%
18	Sở Giao thông vận tải	24	0	0	100%
II	Cấp huyện				
1	UBND Huyện Ninh Sơn	86	86	100%	0
2	UBND Huyện Ninh Hải	2	0	0	100%

3	UBND Huyện Thuận Nam	1	0	0	100%
4	UBND Huyện Thuận Bắc	5	0	0	100%
5	UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	1	0	0	100%
6	UBND Huyện Ninh Phước	3	0	0	100%
7	UBND Huyện Bác Ái	2	0	0	100%
III	Cấp xã				
1	Ủy ban nhân dân xã Lợi Hải	0	0	0	0
2	Ủy ban nhân dân xã Bắc Phong	0	0	0	0
3	Ủy ban nhân dân xã Phước Kháng	1	0	0	100%
4	Ủy ban nhân dân xã Phước Đại	57	0	0	100%
5	Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Dân	0	0	0	0
6	Ủy ban nhân dân xã Phước Chiến	0	0	0	0
7	Ủy ban nhân dân xã Phước Thắng	0	0	0	0
8	Ủy ban nhân dân xã An Hải	4	0	0	100%
9	Ủy ban nhân dân xã Công Hải	0	0	0	0
10	Ủy ban nhân dân xã Phước Chính	0	0	0	0
11	Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải	0	0	0	0
12	Ủy ban nhân dân xã Phước Hải	98	0	0	100%
13	Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn	0	0	0	0
14	Ủy ban nhân dân xã Phước Thành	46	0	0	100%
15	Ủy ban nhân dân xã Tri Hải	0	0	0	0
16	Ủy ban nhân dân xã Phước Thái	0	0	0	0
17	Ủy ban nhân dân xã Cà Ná	0	0	0	0
18	Ủy ban nhân dân xã Phước Tiến	51	0	0	100%
19	Ủy ban nhân dân xã Phương Hải	1	0	0	100%
20	Ủy ban nhân dân xã Phước Hữu	0	0	0	0
21	Ủy ban nhân dân phường Bảo An	2	0	0	100%
22	Ủy ban nhân dân xã Nhị Hà	3	0	0	100%
23	Ủy ban nhân dân xã Phước Tân	0	0	0	0
24	Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hải	0	0	0	0
25	Ủy ban nhân dân xã Phước Hậu	1	0	0	100%

26	Ủy ban nhân dân phường Đô Vinh	0	0	0	0
27	Ủy ban nhân dân xã Phước Diêm	4	0	0	100%
28	Ủy ban nhân dân xã Phước Trung	6	0	0	100%
29	Ủy ban nhân dân xã Thanh Hải	0	0	0	0
30	Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận	56	0	0	100%
31	Ủy ban nhân dân phường Kinh Dinh	0	0	0	0
32	Ủy ban nhân dân xã Phước Dinh	0	0	0	0
33	Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa	2	0	0	100%
34	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải	14	0	0	100%
35	Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh	452	0	0	100%
36	Ủy ban nhân dân phường Phước Mỹ	0	0	0	0
37	Ủy ban nhân dân xã Phước Hà	0	0	0	0
38	Ủy ban nhân dân xã Tân Hải	0	0	0	0
39	Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn	554	0	0	100%
40	Ủy ban nhân dân phường Tấn Tài	0	0	0	0
41	Ủy ban nhân dân xã Phước Minh	0	0	0	0
42	Ủy ban nhân dân xã Hộ Hải	0	0	0	0
43	Ủy ban nhân dân phường Phủ Hà	0	0	0	0
44	Ủy ban nhân dân xã Phước Nam	0	0	0	0
45	Ủy ban nhân dân xã Xuân Hải	0	0	0	0
46	Ủy ban nhân dân phường Thanh Sơn	0	0	0	0
47	Ủy ban nhân dân xã Phước Ninh	1	0	0	100%
48	Ủy ban nhân dân phường Đại Sơn	0	0	0	0
49	Ủy ban nhân dân phường Đạo Long	0	0	0	0
50	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hương	0	0	0	0
51	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông	1	0	0	100%
52	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Bình	4	0	0	100%
53	Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hải	0	0	0	0
54	Ủy ban nhân dân phường Văn Hải	0	0	0	0
55	Ủy ban nhân dân phường Đông Hải	0	0	0	0
56	Ủy ban nhân dân xã Thành Hải	0	0	0	0
57	Ủy ban nhân dân xã Ma Nới	41	41	100%	0

58	Ủy ban nhân dân xã Lương Sơn	13	13	100%	0
59	Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn	149	135	90,6%	9,40%
60	Ủy ban nhân dân xã Nhơn Sơn	174	118	67,82%	32,18%
61	Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Sơn	32	32	100%	0
62	Ủy ban nhân dân xã Lâm Sơn	142	139	97,89%	2,11%
63	Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn	169	166	98,22%	1,78%
64	Ủy ban nhân dân xã Mỹ Sơn	194	188	96,91%	3,09%
65	Ủy ban nhân dân xã Phước Bình	97	0	0	0